

Bản án số: 05/2019/LĐ-ST  
Ngày 15- 11- 2019  
V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Hưng

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Khắc Thân

2. Bà Phạm Thị Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2019/TLST- LĐ ngày 08 tháng 08 năm 2019 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-LĐ ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ giữa:

*Nguyên đơn:*

1/ Ông Trương Văn H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 7, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2/ Ông Trần Nam S, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

3/ Ông Trương Xuân P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 13, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

4/ Ông Nguyễn An K, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

5/ Ông Hồ Minh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp P, phường Tân P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

6/ Ông Trần T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn L, xã Mỹ C, huyện P, tỉnh Bình Định.

7/ Ông Đặng Hữu H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

8/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

9/ Ông Phạm Văn L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

10/ Ông Trịnh Duy P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

11/ Ông Bùi Văn L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

12/ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trên là: Bà Lê Xuân T - Phó Ban chính sách pháp luật – Liên đoàn Lao động tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Địa chỉ: Số M đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Khu công nghiệp P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D, chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bảo hiểm xã hội thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Trung tâm hành chính thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết D, chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

- Bảo hiểm xã hội tỉnh B

Địa chỉ: Số M đường B, đường Bạch Đằng, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Duy H, chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn trình bày:*

Ông Trương Văn H bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH M (Sau đây gọi tắt là “Công ty M”) từ ngày 04/4/2016, có ký kết hợp đồng lao động, vị trí công việc là công nhân, mức lương theo hợp đồng là 4.000.000đ/tháng.

Ông Trần Nam S bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 08/09/2014, có ký kết hợp đồng lao động số 1069.4, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là thợ hàn, mức lương theo hợp đồng là 8.500.000đ/tháng.

Ông Trương Xuân P bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 08/09/2014, có ký kết hợp đồng lao động số 1068.4, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là trưởng nhóm hàng, mức lương theo hợp đồng là 10.500.000đ/tháng.

Ông Nguyễn An K bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 04/07/2014, có ký kết hợp đồng lao động số 1042.4, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là vận hành máy CNC, mức lương theo hợp đồng là 6.175.000đ/tháng.

Ông Hồ Minh T bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 15/8/2014, có ký kết hợp đồng lao động số 1158.2, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là thợ khoan, mức lương theo hợp đồng là 6.000.000đ/tháng.

Ông Trần Tùng bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 9/2014, có ký kết hợp đồng lao động số 1543.3, loại hợp đồng xác định thời hạn 02 năm, vị trí công việc là trưởng khâu lắp ráp, mức lương theo hợp đồng là 6.955.000đ/tháng.

Ông Đặng H bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 29/05/2017, có ký kết hợp đồng lao động số 1562.3, loại hợp đồng xác định thời hạn là 02 năm, vị trí công việc là thợ hàn, mức lương theo hợp đồng là 8.000.000đ/tháng.

Ông Lê Văn T bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 28/09/2016, có ký kết hợp đồng lao động số 1316.2, loại hợp đồng xác định thời hạn là 03 năm, vị trí công việc là công nhân, mức lương theo hợp đồng là 8.800.000đ/tháng.

Ông Phạm Văn L bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 07/3/2016, có ký kết hợp đồng lao động số 1573.3, loại hợp đồng xác định thời hạn 02 năm, vị trí công việc là công nhân, mức lương theo hợp đồng là 8.000.000đ/tháng.

Ông Trịnh Duy P bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 15/10/2013, có ký kết hợp đồng lao động số 1019.4, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là quản đốc hàn, mức lương theo hợp đồng là 15.000.000đ/tháng.

Ông Phạm Văn H bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 18/8/2014, có ký kết hợp đồng lao động số 1055.4, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là thợ hàn, mức lương theo hợp đồng là 8.500.000đ/tháng.

Ông Bùi Văn L bắt đầu làm việc tại Công ty M từ ngày 08/09/2014, có ký kết hợp đồng lao động số 1066.3, loại hợp đồng không xác định thời hạn, vị trí công việc là công nhân, mức lương theo hợp đồng là 9.200.000đ/tháng.

Hàng tháng Công ty M đều trích từ tiền lương của các ông/bà nêu trên để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Đến tháng 5/2018, Công ty ngừng hoạt động, người lao động bị mất việc làm trong khi Công ty không ban hành quyết định hay thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động đồng thời không chốt trả sổ cho người lao động. Khi các nguyên đơn liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B thì được biết Công ty M đang nợ quỹ Bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2017 đến hết tháng 5/2018. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội còn nợ (gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp) từ tháng 11/2017 đến hết tháng 5/2018.

*Đối với bị đơn là Công ty TNHH M:* Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH M vắng mặt, không gửi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cho Tòa án.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thị xã P trình bày:*

Theo số liệu quản lý tính đến ngày 31/7/2019, Công ty TNHH M còn nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp số tiền là 3.342.072.718 đồng. Việc Công ty nợ quỹ bảo hiểm xã hội làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của hơn 323 người lao động, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Bảo hiểm xã hội thị xã P đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp cần thiết để thu hồi các khoản tiền nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao

động, bệnh nghề nghiệp nói trên của Công ty chuyển trả vào quỹ bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội thị xã P đang quản lý. Để Bảo hiểm xã hội thị xã P có cơ sở giải quyết chế độ cho người lao động nhằm góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn.

Quá trình tố tụng Bảo hiểm xã hội tỉnh B không có ý kiến.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc bị đơn phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu của người lao động. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của các nguyên đơn gồm các ông/bà Trương Văn H, Trần Nam S, Trương Xuân P, Nguyễn An K, Hồ Minh T, Trần T, Đặng Hữu H, Lê Văn T, Phạm Văn L, Trịnh Duy P, ông Bùi Văn L, Phạm Văn H thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”; do Công ty Metacor có trụ sở tại thị xã Phú Mỹ và nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn - Công ty M không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội thị xã P không có yêu cầu độc lập, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bảo hiểm xã hội tỉnh B được xác định không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng lao động đã ký kết giữa các đồng nguyên đơn và Công ty M thì thấy:

Về hình thức, thẩm quyền và nội dung giao kết hợp đồng: Các nguyên đơn giao kết hợp đồng lao động với Công ty M thông qua người đại diện là ông D, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của người lao động cùng các chứng cứ kèm theo, đối chiếu với thông tin do Bảo hiểm xã hội tỉnh B cung cấp tại Công văn số 1244/BHXH-KTTN ngày 29/8/2019 đã xác định được: Người lao động làm việc tại Công ty M đều có ký kết hợp đồng lao động theo quy định, được Công ty M lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ, đóng và hưởng bảo hiểm xã hội. Theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng lao động thì hai bên thống nhất tỷ lệ đóng của Công ty và người lao động thực hiện theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và Luật lao động hiện hành. Thực hiện hợp đồng lao động đã ký kết, hàng tháng Công ty đều trích lại tiền lương của người lao động nhưng không đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội là vi phạm thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng về phần bảo hiểm xã hội và vi phạm Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.

Theo trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thì các ông/bà Trương Văn H, Trần Nam S, Trương Xuân P, Nguyễn An K, Hồ Minh T, Trần T, Đặng Hữu H, Lê Văn T, Phạm Văn L, Trịnh Duy P, ông Bùi Văn L, Phạm Văn H đã làm việc tại Công ty M đến cuối tháng 5/2018 thì bị mất việc làm do Công ty ngừng hoạt động mà không thông báo cho người lao động.

Đối chiếu với tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có cơ sở xác định: Các ông/bà Trương Văn H, Trần Nam S, Trương Xuân P, Nguyễn An K, Hồ Minh T, Trần T, Đặng Hữu H, Lê Văn T, Phạm Văn L, Trịnh Duy P, ông Bùi Văn L, Phạm Văn H làm việc cho Công ty M đến cuối tháng 5/2018 và đã được trả lương tháng 5/2018.

Theo tài liệu do Bảo hiểm xã hội tỉnh B Tàu cung cấp thì Công ty M đã đóng các khoản bảo hiểm xã hội của người lao động hết tháng 10/2017 và còn nợ từ tháng 11/2017 đến hết tháng 5/2018, cụ thể như sau:

Đối với ông Trương Văn H: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 02/2018 là 4.889.841 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/02/2018 là 275.674 đồng, tổng cộng là 5.165.515 đồng.

Đối với ông Trần Nam S: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 11.073.013 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 624.260 đồng, tổng cộng là 11.697.273 đồng.

Đối với ông Trương Xuân P: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 13.021.863 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 734.131 đồng, tổng cộng là 13.755.994 đồng.

Đối với ông Nguyễn An K: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 11.781.685 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 664.213 đồng, tổng cộng là 12.445.898 đồng.

Đối với ông Hồ Minh T: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 8.011.545 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 451.665 đồng, tổng cộng là 8.463.210 đồng.

Đối với ông Trần T: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 13.269.898 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 748.114 đồng, tổng cộng là 14.018.012 đồng.

Đối với ông Đặng Hữu H: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 9.549.366 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 538.362 đồng, tổng cộng là 10.087.728 đồng.

Đối với ông Lê Văn T: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 10.630.093 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 599.291 đồng, tổng cộng là 11.229.384 đồng.

Đối với ông Phạm Văn L: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 9.921.420 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 559.338 đồng, tổng cộng là 10.480.758 đồng.

Đối với ông Trịnh Duy P: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 18.071.158 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 1.018.794 đồng, tổng cộng là 19.089.952 đồng.

Đối với ông Bùi Văn L: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 11.285.615 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 636.246 đồng, tổng cộng là 11.921.861 đồng.

Đối với ông Phạm Văn H: Công ty TNHH M nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 là 10.541.508 đồng; lãi chậm nộp đến ngày 31/5/2018 là 594.296 đồng, tổng cộng là 11.135.804 đồng.

Theo tài liệu xác minh tại Đoàn công an Khu công nghiệp Tân Thành và thông tin do Ban quản lý các khu công nghiệp cung cấp, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định Công ty M đã chính thức ngừng hoạt động từ ngày 24/5/2018. Việc ngừng hoạt động không được Công ty thông báo đến người lao động.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập, yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để Công ty M có mặt và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của người lao động nhưng Công ty đều vắng mặt. Do đó, Công ty phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Đối với cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã P: Quá trình giải quyết vụ án, Bảo hiểm xã hội thị xã P không có yêu cầu độc lập, không gửi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu do Bảo hiểm xã hội tỉnh B cung cấp và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc Công ty Metacor V phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội còn thiếu cho các ông/bà Trương Văn H, Trần Nam S, Trương Xuân P, Nguyễn An K, Hồ Minh T, Trần T, Đặng Hữu H, Lê Văn T, Phạm Văn L, Trịnh Duy P, ông Bùi Văn L, Phạm Văn H.

[3] Về án phí: Công ty M phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 186 Bộ Luật lao động năm 2012; Điều 18, Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông/bà Trương Văn H, Trần Nam S, Trương Xuân P, Nguyễn An K, Hồ Minh T, Trần T, Đặng Hữu H, Lê Văn T, Phạm Văn L, Trịnh Duy P, ông Bùi Văn L, Phạm Văn H về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” đối với Công ty TNHH Metacor Việt Nam.

2. Buộc Công ty TNHH Metacor Việt Nam phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội (gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) vào quỹ Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho các ông/bà Trương Văn H, Trần Nam S, Trương Xuân P, Nguyễn An K, Hồ Minh T, Trần T, Đặng Hữu H, Lê Văn T, Phạm Văn L, Trịnh Duy P, ông Bùi Văn L, Phạm Văn H từ tháng 11/2017 đến hết tháng 5/2018 và đóng cho ông Trương Văn H từ tháng 11/2017 đến hết tháng 02/2018.

3. Mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà Công ty TNHH M phải đóng vào Quỹ bảo hiểm được áp dụng và tính theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Phạm Xuân Hưng**